

Lệnh số 249 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc

“Biện pháp Quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu Trung Quốc” được thảo luận và thông qua tại cuộc họp công tác của Tổng cục Hải quan Trung Quốc vào ngày 12/3/2021, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Các văn bản dưới đây cùng lúc bãi bỏ gồm: Lệnh số 144 ngày 13/9/2011; số 184 ngày 18/10/2016 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 sửa đổi về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu” của Tổng cục Hải quan; Lệnh số 20 ngày 22/02/2000 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 238 ngày 28/04/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý kiểm tra và kiểm dịch mật ong xuất khẩu”; Lệnh số 135 ngày 04/01/2011 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý và giám sát, kiểm tra kiểm dịch thủy sản xuất nhập khẩu”; Lệnh số 136 ngày 4/1/2011 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý giám sát, kiểm tra kiểm dịch đối với thịt xuất nhập khẩu”; Lệnh số 152 ngày 24/01/2013 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý và giám sát, kiểm tra kiểm dịch sữa xuất nhập khẩu”; Lệnh số 192 ngày 14/11/2017 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Quy định về quản lý hồ sơ đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu”.

Tổng cục trưởng Nghê Nhạc Phong

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM XUẤT NHẬP KHẨU NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Để đảm bảo an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và bảo vệ đời sống, sức khỏe con người, động vật, thực vật, căn cứ vào "Luật An toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" (sau đây gọi là "Luật An toàn thực phẩm") và các quy định thi hành, "Luật Hải quan của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", "Luật Kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" và các quy định thi hành, "Luật Kiểm dịch Động thực vật xuất nhập cảnh của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Trung Quốc" và các quy định thi hành, "Luật Kiểm dịch và Y tế Biên giới của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" và các quy tắc thực hiện, và "Luật An toàn chất lượng nông sản của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa". Biện pháp này được xây dựng bởi luật pháp, quy định hành chính và phù hợp với "Các quy định đặc biệt của Quốc vụ viện về tăng cường Giám sát và Quản lý An toàn thực phẩm và thực phẩm".

Điều 2. Những hoạt động sau đây phải tuân thủ Biện pháp này:

(1) Hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu;

(2) Hải quan giám sát, quản lý đối với các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu và việc thực hiện an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan.

Điều 3. Công tác an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu tuân thủ các nguyên tắc an toàn là trên hết, chủ động phòng ngừa, quản lý rủi ro, kiểm soát toàn bộ quá trình và hợp tác quốc tế.

Điều 4. Cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về sự an toàn của thực phẩm xuất nhập khẩu do mình sản xuất và kinh doanh.

Cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu tham gia vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu phải phù hợp với các hiệp ước và hiệp định quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia, luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia, tiếp nhận giám sát và quản lý theo pháp luật, bảo đảm an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, chịu trách nhiệm trước xã hội và nhân dân.

Điều 5. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm giám sát và điều hành an toàn

thực phẩm xuất nhập khẩu trên toàn quốc.

Hải quan các cấp chịu trách nhiệm giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu trên địa bàn quản lý.

Điều 6. Hải quan sử dụng phương thức thông tin hóa để nâng cao trình độ quản lý, giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

Điều 7. Hải quan tăng cường tuyên truyền, giáo dục về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, triển khai công tác phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm, các quy định hành chính và các tiêu chuẩn, kiến thức về an toàn thực phẩm quốc gia.

Hải quan tăng cường trao đổi, hợp tác với các tổ chức quốc tế về an toàn thực phẩm, cơ quan chính phủ nước ngoài, hiệp hội ngành thực phẩm nước ngoài, hiệp hội người tiêu dùng nước ngoài để tạo mô hình hợp tác quản trị quốc tế về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

Điều 8. Nhân viên Hải quan làm công tác giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu phải có kiến thức chuyên môn liên quan.

CHƯƠNG II. THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Điều 9. Thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, nếu điều ước và thỏa thuận quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia có yêu cầu đặc thù, phải tuân thủ các yêu cầu của các hiệp định, điều ước quốc tế.

Khi nhập khẩu thực phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, cần tuân theo các yêu cầu của tiêu chuẩn có liên quan sử dụng tạm thời do Cơ quan quản lý Y tế Quốc vụ viện ban hành.

Thực phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới phải có giấy phép quản lý y tế về nguyên liệu thực phẩm mới của Cơ quan quản lý y tế của Quốc vụ viện theo quy định tại Điều 37 của Luật an toàn thực phẩm.

Điều 10. Cơ quan Hải quan thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định hành chính về kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Hoạt động đánh giá sự phù hợp của thực phẩm nhập khẩu bao gồm: đánh giá, rà soát hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của các quốc gia (khu vực) (sau đây gọi là quốc gia (khu vực)) xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc, đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài, bảo đảm hồ sơ nhà xuất nhập khẩu hợp lệ, phê duyệt kiểm dịch động thực vật nhập cảnh, kiểm tra các chứng chỉ năng lực kèm theo, xem xét tài liệu, kiểm tra tại chỗ, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên, kiểm tra hồ sơ nhật ký nhập khẩu và bán hàng, và kết hợp nhiều hạng mục khác nhau.

Điều 11. Tổng cục Hải quan có thể đánh giá, thẩm tra hệ thống quản lý an

toàn thực phẩm và tình trạng triển khai an toàn thực phẩm của nước ngoài (khu vực) và xác định các yêu cầu kiểm tra, kiểm dịch tương ứng dựa trên kết quả đánh giá, rà soát.

Điều 12. Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, Tổng cục Hải quan có thể tiến hành đánh giá và thẩm tra đối với quốc gia (khu vực) xuất khẩu:

(1) Quốc gia (khu vực) xin xuất khẩu lần đầu tiên một loại (chủng) thực phẩm nhất định sang Trung Quốc;

(2) Quốc gia (khu vực) xuất khẩu có những điều chỉnh lớn trong cơ cấu tổ chức, luật và quy định về an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật;

(3) Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) đề nghị điều chỉnh lớn đối với các yêu cầu kiểm tra và kiểm dịch của một loại (chủng) thực phẩm nhất định xuất khẩu vào Trung Quốc;

(4) Xảy ra dịch bệnh lớn trên động, thực vật hoặc sự cố về an toàn thực phẩm tại quốc gia (khu vực) đó;

(5) Hải quan phát hiện có vấn đề nghiêm trọng trong thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc, cho rằng có dịch bệnh động vật, thực vật hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thực phẩm;

(6) Các tình huống khác cần đánh giá và xem xét.

Điều 13. Việc đánh giá, thẩm tra hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của quốc gia (khu vực) chủ yếu bao gồm việc đánh giá và xác nhận các nội dung sau:

(1) Các luật và quy định liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật;

(2) Cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát an toàn thực phẩm;

(3) Mức độ phổ biến của dịch bệnh động vật, thực vật và các biện pháp phòng, chống;

(4) Quản lý và kiểm soát vi sinh vật gây bệnh, thuốc nông nghiệp, thú y và các chất ô nhiễm;

(5) Kiểm soát vệ sinh an toàn trong các khâu sản xuất và chế biến, vận chuyển và bảo quản thực phẩm;

(6) Giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất khẩu;

(7) Hệ thống triệu hồi, truy xuất nguồn gốc và bảo hộ an toàn thực phẩm;

(8) Cơ chế cảnh báo và ứng phó khẩn cấp;

(9) Năng lực hỗ trợ kỹ thuật;

(10) Các tình huống khác liên quan đến tình hình dịch bệnh động, thực vật

và an toàn thực phẩm.

Điều 14. Tổng cục Hải quan có thể tổ chức cho các chuyên gia thực hiện đánh giá, thẩm tra thông qua các hình thức, kết hợp giữa thẩm tra tài liệu, kiểm tra video và kiểm tra tại chỗ.

Điều 15. Tổng cục Hải quan tổ chức cho các chuyên gia tiếp nhận đánh giá thẩm tra qua xem xét tài liệu hồ sơ và phiếu câu hỏi đánh giá bằng văn bản do các quốc gia (khu vực) gửi đến. Việc xem xét bao gồm tính xác thực, đầy đủ và hợp lệ của tài liệu. Căn cứ tình hình thẩm tra tài liệu, Tổng cục Hải quan có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) liên quan bổ sung thông tin, dữ liệu còn thiếu.

Đối với các quốc gia (khu vực) đã thông qua thẩm tra tài liệu, Tổng cục Hải quan có thể tổ chức cho các chuyên gia tiến hành kiểm tra hệ thống quản lý an toàn thực phẩm qua video hoặc kiểm tra tại chỗ. Nếu phát hiện vấn đề sẽ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực) và các doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc khắc phục các vấn đề được tìm thấy.

Quốc gia (khu vực) có liên quan cần cung cấp hỗ trợ cần thiết để đánh giá và thẩm tra.

Điều 16. Quốc gia (khu vực) được đánh giá, thẩm tra xuất hiện một trong các tình huống dưới đây, Tổng cục Hải quan có thể chấm dứt việc đánh giá, rà soát và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực) này:

- (1) Không phản hồi trong vòng 12 tháng kể từ khi nhận được bảng câu hỏi đánh giá bằng văn bản;
- (2) Không cung cấp thông tin theo yêu cầu trong thời hạn 3 tháng kể từ khi nhận được thông báo của Tổng cục Hải quan về việc bổ sung thông tin, tư liệu;
- (3) Bất ngờ xảy ra dịch bệnh động vật, thực vật hoặc sự cố lớn về an toàn thực phẩm;
- (4) Không hợp tác với phía Trung Quốc để hoàn thành việc kiểm tra video hoặc kiểm tra tại chỗ và không có khả năng hoàn thành việc chỉnh sửa một cách hiệu quả;
- (5) Tự nguyện đề nghị chấm dứt đánh giá, thẩm tra.

Trong trường hợp thứ nhất và thứ hai của điều này, các cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực) có thể xin gia hạn vì lý do đặc biệt, và được sự chấp thuận của Tổng cục Hải quan, các tài liệu liên quan sẽ được nộp theo thời hạn quy định được xác định lại bởi Tổng cục Hải quan.

Điều 17. Sau khi hoàn thành việc đánh giá, thẩm tra, Tổng cục Hải quan

thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) được đánh giá về kết quả đánh giá, thẩm tra.

Điều 18. Tổng cục Hải quan thực hiện việc quản lý đăng ký đối với các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc và công bố danh sách các doanh nghiệp đã đăng ký.

Điều 19. Các doanh nghiệp xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài (sau đây gọi là "doanh nghiệp xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài") xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc phải nộp hồ sơ cho Tổng cục Hải quan.

Doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phải nộp hồ sơ cho Hải quan nơi họ đăng ký.

Doanh nghiệp xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài và các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phải chịu trách nhiệm về tính xác thực, hợp lệ của các tài liệu cung cấp khi làm thủ tục.

Danh sách các cơ sở xuất khẩu, đại lý nước ngoài, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm do Tổng cục Hải quan công bố.

Điều 20. Nếu có sự thay đổi trong nội dung hồ sơ đăng ký của một doanh nghiệp xuất khẩu, đại lý nước ngoài hoặc doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm, thì phải thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan quản lý hồ sơ trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

Trường hợp phát hiện doanh nghiệp xuất khẩu, đại lý nước ngoài, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm thông tin hồ sơ sai lệch hoặc nội dung hồ sơ không kịp thời thay đổi thì có quyền yêu cầu cải chính trong thời hạn quy định.

Điều 21. Các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phải thiết lập hệ thống ghi chép nhật ký nhập khẩu và tiêu thụ thực phẩm, ghi chép trung thực tên thực phẩm, trọng lượng thực/quy cách, số lượng, ngày sản xuất, số lô sản xuất/nhập khẩu, hạn sử dụng, tên và địa chỉ doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài và người mua hàng, thông tin liên hệ, ngày giao hàng, v.v., và lưu các chứng từ liên quan. Thời hạn bảo quản hồ sơ, chứng từ không dưới 06 tháng kể từ ngày hết hạn sử dụng thực phẩm, nếu không rõ hạn sử dụng thì thời hạn bảo quản trên 02 năm kể từ ngày bán.

Điều 22. Các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phải thiết lập chế độ xét duyệt đối với các doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài, doanh nghiệp sản xuất nước ngoài, trọng tâm xét duyệt theo các mục sau:

(1) Xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro về an toàn thực phẩm;

(2) Đảm bảo rằng thực phẩm tuân thủ luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm.

Điều 23. Hải quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, xét duyệt doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm theo quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm cần tích cực hợp tác và cung cấp trung thực thông tin và tài liệu liên quan.

Điều 24. Theo nhu cầu của quản lý rủi ro, Hải quan có thể triển khai chỉ định các cảng/cửa khẩu nhập khẩu thực phẩm và chỉ định các địa điểm kiểm tra, giám sát. Tổng cục Hải quan công bố danh sách các cảng/cửa khẩu và địa điểm giám sát được chỉ định.

Điều 25. Doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm hoặc đại lý phải khai báo trung thực với Hải quan khi nhập khẩu thực phẩm.

Điều 26 Hải quan thực hiện kiểm dịch đối với thực phẩm nhập khẩu phải kiểm dịch nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Hải quan thực hiện quản lý kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch đối với thực phẩm nhập khẩu phải kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch động thực vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm cần xin giấy phép kiểm dịch động thực vật nhập cảnh trước khi ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận thương mại.

Điều 28. Căn cứ vào nhu cầu giám sát và quản lý, Hải quan sẽ tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu, kiểm tra tại chỗ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

(1) Phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản có đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh hay không;

(2) Số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của hàng hóa có phù hợp với thông tin khai báo và các chứng từ kèm theo hay không;

(3) Thực phẩm nguồn gốc động thực vật, bao bì và vật liệu lót chuồng có tồn tại các điều kiện trong quy định tại Điều 22 của "Quy định thi hành Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh" hay không;

(4) Bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm hay không, và có bị nhiễm bẩn, hư hỏng, nấm mốc hoặc thấm thấu hay không;

(5) Nhãn, biểu tượng và hướng dẫn trên bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, quy phạm hành chính, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia và quy định của Tổng cục Hải quan hay không;

(6) Các đặc tính cảm quan của thực phẩm có đáp ứng các đặc tính nên có của thực phẩm hay không;

(7) Độ tươi của thực phẩm đông lạnh và làm lạnh, nhiệt độ lõi có đáp ứng yêu cầu không, có biến đổi bệnh lý không, nhiệt độ của môi trường làm lạnh và đông lạnh có đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn liên quan hay không, thiết bị và phương tiện kiểm soát nhiệt độ dây chuyền lạnh hoạt động bình thường hay không, ghi chép nhiệt độ có đáp ứng các yêu cầu hay không và có thể được thực hiện nêu cần nấu thử nghiệm.

Điều 29. Hải quan xây dựng kế hoạch quốc gia hàng năm và kế hoạch chuyên biệt kiểm tra ngẫu nhiên, giám sát an toàn thực phẩm nhập khẩu và tổ chức thực hiện.

Điều 30. Việc đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng thực phẩm nhập khẩu phải tuân theo luật, quy định và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc; trong trường hợp sản phẩm cần có giấy hướng dẫn sử dụng, cần có hướng dẫn bằng tiếng Trung.

Đối với các sản phẩm thịt tươi sống và đông lạnh nhập khẩu, bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắn chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung Quốc/ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và nước xuất khẩu (khu vực), thể hiện rõ như sau: quốc gia (khu vực) xuất xứ, tên sản phẩm, số đăng ký của nhà sản xuất, số lô sản xuất; bao bì bên ngoài phải ghi thông số kỹ thuật, nơi sản xuất (cụ thể đến bang/tỉnh/ thành phố), nơi đến, ngày sản xuất, hạn sử dụng, nhiệt độ bảo quản, v.v., bằng tiếng Trung Quốc, và điểm đến phải ghi rõ là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, cộng với Dấu kiểm dịch và kiểm dịch chính thức cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (Khu vực) xuất khẩu.

Đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu, bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắc chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung Quốc/tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và quốc gia (khu vực) xuất khẩu, thể hiện rõ như sau: tên hàng hóa và tên khoa học, thông số kỹ thuật, ngày sản xuất, số lô, thời hạn sử dụng và điều kiện bảo quản, Phương thức sản xuất (Hải sản đánh bắt biển, đánh bắt nước ngọt, nuôi trồng), khu vực sản xuất (vùng biển đánh bắt hải sản, vùng/quốc gia đánh bắt nước ngọt, sản phẩm nuôi trồng quốc gia/khu vực); tên, số đăng ký và địa chỉ (cụ thể cho tiểu bang/tỉnh/thành phố) của tất cả các doanh nghiệp sản xuất và chế biến có liên quan (bao gồm tàu đánh cá, tàu chế biến và tàu vận tải, kho lạnh độc lập) và điểm đến bắt buộc phải được ghi chú là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Nhãn của Trung Quốc đối với thực phẩm chức năng nhập khẩu và thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt phải được in trên bao bì tiêu thụ nhỏ nhất, không được sử dụng phương pháp dán.

Trường hợp thực phẩm nhập khẩu có quy định ghi nhãn đặc biệt thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Thực phẩm nhập khẩu sau khi về đến cảng phải được bảo quản tại nơi do Hải quan chỉ định hoặc chấp thuận; nếu cần chuyển đi phải được sự đồng ý của Hải quan và thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cần thiết theo yêu cầu quy định của Hải quan.

Địa điểm được chỉ định hoặc chấp thuận phải đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, quy định hành chính và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia.

Điều 32 Thực phẩm rời số lượng lớn nhập khẩu phải được kiểm tra tại cảng dỡ hàng theo yêu cầu của Hải quan.

Điều 33 Thực phẩm nhập khẩu nếu đã được cơ quan Hải quan đánh giá hợp quy thì được phép nhập khẩu.

Nếu thực phẩm nhập khẩu được cơ quan Hải quan đánh giá là không hợp quy thì Hải quan cấp giấy xác nhận không hợp quy; nếu không đủ điều kiện về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường thì Hải quan thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm để có trách nhiệm tiêu hủy hoặc trả lại; nếu là các hạng mục khác không đủ tiêu chuẩn, thông qua xử lý kỹ thuật có thể đáp ứng yêu cầu đánh giá sự phù hợp mới được nhập khẩu. Trường hợp các hạng mục liên quan của thực phẩm nhập khẩu không được xử lý kỹ thuật trong thời gian quy định hoặc sau khi xử lý kỹ thuật vẫn không đạt chất lượng thì Hải quan ra lệnh tiêu hủy hoặc trả lại đơn vị nhập khẩu thực phẩm.

Điều 34: Trường hợp các sự cố về an toàn thực phẩm xảy ra ở nước ngoài có thể gây ra các nguy cơ tiềm ẩn về rủi ro an toàn thực phẩm ở Trung Quốc hoặc nếu Hải quan phát hiện thực phẩm nhập khẩu không đủ tiêu chuẩn trong quá trình giám sát và quản lý thực phẩm nhập khẩu hoặc phát hiện các vấn đề an toàn thực phẩm khác, Tổng cục Hải quan và Hải quan trực thuộc có thẩm quyền căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro, có thể thực hiện các biện pháp kiểm soát như tăng tỷ lệ giám sát, kiểm tra ngẫu nhiên đối với thực phẩm nhập khẩu liên quan.

Sau khi cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp kiểm soát như tăng tỷ lệ giám sát, kiểm tra ngẫu nhiên đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản trên, nếu lại phát hiện thực phẩm nhập khẩu không đủ tiêu chuẩn hoặc có bằng chứng cho thấy thực phẩm nhập khẩu có các nguy cơ lớn về an toàn, Tổng cục Hải quan và cơ quan Hải quan có thẩm quyền trực thuộc yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm hàng loạt phải nộp báo cáo kiểm tra của cơ quan kiểm tra đủ điều kiện cho Hải quan theo lô. Hải quan sẽ xác minh báo cáo kiểm tra do doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm cung cấp.

Điều 35. Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, Tổng cục Hải quan có thể áp dụng các biện pháp kiểm soát như đình chỉ hoặc cấm nhập khẩu các loại thực

phẩm liên quan dựa trên kết quả đánh giá rủi ro:

(1) Quốc gia (khu vực) xuất khẩu xảy ra một dịch bệnh động vật, thực vật lớn, hoặc hệ thống an toàn thực phẩm có sự thay đổi lớn không đảm bảo hiệu quả sự an toàn của thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc;

(2) Thực phẩm nhập khẩu bị ô nhiễm bởi mầm bệnh của các bệnh truyền nhiễm thuộc diện kiểm dịch, hoặc có bằng chứng cho thấy nó có thể trở thành vật trung gian truyền các bệnh truyền nhiễm thuộc diện kiểm dịch và không thể thực hiện xử lý vệ sinh hiệu quả;

(3) Thực phẩm nhập khẩu mà cơ quan Hải quan thực hiện các biện pháp kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều 34 của Biện pháp này lại phát hiện các hạng mục liên quan an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường không đạt tiêu chuẩn;

(4) Doanh nghiệp sản xuất nước ngoài vi phạm luật và quy định có liên quan của Trung Quốc với tình tiết nghiêm trọng;

(5) Các thông tin khác cho thấy tồn tại các mối nguy lớn liên quan an toàn thực phẩm.

Điều 36: Khi rủi ro về an toàn của thực phẩm nhập khẩu đã giảm xuống mức có thể kiểm soát được, Tổng cục Hải quan và Hải quan có thẩm quyền trực thuộc có thể áp dụng các biện pháp dỡ bỏ kiểm soát tương ứng theo cách thức sau:

(1) Thực phẩm bị áp dụng các biện pháp kiểm soát tại khoản 1 Điều 34 của Biện pháp này, trong thời gian hạn định và lô tiếp theo không bị phát hiện là không đạt chất lượng, trên cơ sở đánh giá rủi ro có thể được dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát;

(2) Đối với thực phẩm bị áp dụng các biện pháp kiểm soát tại khoản 2 Điều 34 của Biện pháp này, quốc gia (khu vực) xuất khẩu đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa và được Tổng cục Hải quan đánh giá rủi ro là có thể đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm soát nguy cơ dịch bệnh động vật, thực vật, trong thời gian hạn định thực hiện các biện pháp kiểm soát và lô tiếp theo không bị phát hiện là không đạt chất lượng, trên cơ sở đánh giá rủi ro có thể được dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát.

(3) Đối với thực phẩm áp dụng các biện pháp tạm ngừng, cấm nhập khẩu, nếu cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) xuất khẩu đã áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và được Tổng cục Hải quan đánh giá là đáp ứng yêu cầu thì có thể dỡ bỏ việc tạm dừng, cấm nhập khẩu. Để phục hồi nhập khẩu thực phẩm, Tổng cục Hải quan có thể áp dụng các biện pháp kiểm soát quy định tại Điều 34 của Biện pháp này trên cơ sở tình hình đánh giá.

Điều 37: Khi doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phát hiện thực phẩm nhập khẩu không tuân thủ pháp luật, quy định hành chính và tiêu chuẩn quốc gia về an

toàn thực phẩm hoặc có bằng chứng cho thấy thực phẩm đó có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người thì thực hiện theo khoản 3, Điều 63 và 94 Luật An toàn thực phẩm, phải ngừng ngay lập tức việc nhập khẩu, bán và sử dụng, thực hiện thu hồi, thông báo tới các nhà sản xuất và người tiêu dùng có liên quan, ghi lại tình trạng thu hồi và thông báo, đồng thời với việc thu hồi, thông báo và xử lý thực phẩm phải báo cáo cho Hải quan địa phương.

CHƯƠNG III. THỰC PHẨM XUẤT KHẨU

Điều 38. Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải đảm bảo rằng thực phẩm xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu hợp đồng của quốc gia (khu vực) nhập khẩu; yêu cầu đặc biệt của các điều ước quốc tế hoặc hiệp định mà Trung Quốc ký kết hoặc tham gia và phải tuân thủ các yêu cầu của các hiệp ước hoặc hiệp định quốc tế.

Nếu quốc gia (khu vực) nhập khẩu không có tiêu chuẩn và không yêu cầu trong hợp đồng, và các hiệp định hoặc hiệp định quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia không có các yêu cầu liên quan thì doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải đảm bảo rằng thực phẩm xuất khẩu đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia an toàn thực phẩm của Trung Quốc.

Điều 39. Hải quan giám sát, quản lý thực phẩm xuất khẩu theo quy định của pháp luật. Các biện pháp quản lý và giám sát thực phẩm xuất khẩu bao gồm: hồ sơ cơ sở nuôi, trồng nguyên liệu sản xuất thực phẩm xuất khẩu, hồ sơ doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu, xác minh doanh nghiệp, thẩm tra tài liệu, kiểm tra tại chỗ, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên, kiểm tra ngẫu nhiên tại cảng, kiểm tra thông báo ở nước ngoài, cùng với sự kết hợp của nhiều hạng mục khác nhau.

Điều 40. Các cơ sở trồng và nuôi làm nguyên liệu sản xuất xuất khẩu phải nộp hồ sơ cho Hải quan địa phương.

Tổng cục Hải quan công bố danh sách thống nhất các trang trại trồng trọt, chăn nuôi nguyên liệu để lưu hồ sơ, thủ tục và yêu cầu hồ sơ do Tổng cục Hải quan xây dựng.

Điều 41. Theo quy định của pháp luật, Hải quan sẽ áp dụng các phương pháp như thẩm tra tài liệu, kiểm tra tại chỗ và xác minh doanh nghiệp để giám sát các cơ sở trồng và nuôi nguyên liệu.

Điều 42. Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải nộp hồ sơ cho Hải quan nơi cư trú, thủ tục và yêu cầu nộp hồ sơ do Tổng cục Hải quan quy định.

Điều 43: Trường hợp nước ngoài (khu vực) thực hiện quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu của Trung Quốc xuất khẩu vào quốc gia (khu vực) này và đề nghị Tổng cục Hải quan đề cử danh sách thì doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải đăng ký với Hải quan nơi cư trú. Sau khi xác minh sơ bộ thì báo cáo lên Tổng cục Hải quan.

Tổng cục Hải quan tổ chức và thực hiện việc giới thiệu và đăng ký với bên ngoài trên cơ sở tổng hợp tín nhiệm, giám sát và quản lý, và xác minh ban đầu của Hải quan nơi cư trú đối với doanh nghiệp. Các thủ tục và yêu cầu đối với việc giới thiệu và đăng ký với bên ngoài do Tổng cục Hải quan xây dựng.

Điều 44. Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải thiết lập một hệ thống kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm hoàn chỉnh và có thể truy xuất nguồn gốc, đảm bảo vận hành hiệu quả của hệ thống kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm và đảm bảo rằng các quy trình sản xuất, chế biến và bảo quản thực phẩm xuất khẩu liên tục tuân thủ các luật và quy định liên quan của Trung Quốc, yêu cầu doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu về vệ sinh an toàn; nếu luật và quy định liên quan của quốc gia (khu vực) nhập khẩu và các hiệp định và hiệp định quốc tế có liên quan có yêu cầu đặc biệt thì cũng phải đáp ứng được các yêu cầu này.

Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải thiết lập chế độ đánh giá nhà cung cấp, chế độ ghi chép kiểm tra nhập hàng, hồ sơ nhật ký sản xuất, hồ sơ kiểm tra xuất xưởng, hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm xuất khẩu và hệ thống xử lý thực phẩm không đạt tiêu chuẩn. Các hồ sơ liên quan phải trung thực, có hiệu quả, thời gian lưu giữ không dưới 6 tháng kể từ khi hết hạn sử dụng thực phẩm; nếu không rõ ràng về thời hạn sử dụng thì thời hạn lưu trữ không dưới 2 năm.

Điều 45. Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải bảo đảm phương thức đóng gói và vận chuyển phù hợp yêu cầu về an toàn thực phẩm xuất khẩu

Điều 46. Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải ghi nhãn số hồ sơ doanh nghiệp sản xuất, tên sản phẩm, số lô sản xuất và ngày sản xuất trên bao bì, vận chuyển

Trường hợp quốc gia (khu vực) nhập khẩu hoặc hợp đồng có yêu cầu đặc biệt, trên cơ sở đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm và được sự chấp thuận của cơ quan Hải quan trực thuộc, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu có thể điều chỉnh các mục ghi nhãn quy định tại khoản trên.

Điều 47. Hải quan kiểm tra, giám sát thực phẩm của các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu, tình hình vận hành hệ thống kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm trong phạm vi quyền hạn của mình. Giám sát, kiểm tra bao gồm giám sát, kiểm tra hàng ngày và giám sát, kiểm tra hàng năm.

Việc giám sát và kiểm tra có thể áp dụng các phương pháp như xem xét tài liệu, kiểm tra tại chỗ và xác minh doanh nghiệp, đồng thời có thể triển khai thực hiện cùng với xác minh thông báo nước ngoài của thực phẩm xuất khẩu, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên và kiểm tra tại chỗ.

Điều 48. Thực phẩm xuất khẩu phải được Hải quan nơi sản xuất kiểm tra, kiểm dịch theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Hải quan có thể chỉ định các địa điểm khác thực hiện việc kiểm tra, kiểm dịch phù hợp với tạo thuận lợi cho hoạt động ngoại thương và yêu cầu của hoạt động kiểm tra, kiểm dịch thực phẩm xuất khẩu.

Điều 49. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất khẩu theo quy định của pháp luật, quy định hành chính và quy định của Tổng cục Hải quan, trước khi khai báo xuất khẩu phải nộp đơn đề nghị giám sát cho Hải quan nơi sản xuất, nơi tập kết hàng.

Sau khi Hải quan nơi xuất xứ, nơi tập kết hàng tiếp nhận hồ sơ đề nghị giám sát trước khi xuất khẩu thực phẩm, sẽ thực hiện kiểm tra, giám sát tại chỗ và kiểm tra ngẫu nhiên đối với thực phẩm xuất khẩu cần kiểm tra, kiểm dịch theo quy định. luật.

Điều 50. Hải quan xây dựng kế hoạch lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm xuất khẩu hàng năm của quốc gia và tổ chức thực hiện.

Điều 51. Trường hợp thực phẩm xuất khẩu qua kiểm tra, giám sát tại chỗ và kiểm tra ngẫu nhiên đạt yêu cầu thì Hải quan cấp giấy chứng nhận và cho phép xuất khẩu. Trường hợp quốc gia (khu vực) nhập khẩu có yêu cầu thay đổi về hình thức và nội dung của giấy chứng nhận thì hình thức và nội dung của giấy chứng nhận có thể được thay đổi khi được sự chấp thuận của Tổng cục Hải quan.

Trường hợp thực phẩm xuất khẩu không đạt yêu cầu qua kiểm tra, giám sát tại chỗ và kiểm tra ngẫu nhiên thì cơ quan Hải quan thông báo bằng văn bản cho người xuất khẩu hoặc đại lý biết. Trường hợp thực phẩm xuất khẩu có thể tiến hành xử lý kỹ thuật và sau khi xử lý kỹ thuật đạt yêu cầu thì được phép xuất khẩu; trường hợp thực phẩm không thể tiến hành xử lý kỹ thuật hoặc sau khi xử lý kỹ thuật vẫn không đạt chất lượng thì không được phép xuất khẩu.

Điều 52. Doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm hoặc đại lý phải khai báo trung thực với Hải quan khi xuất khẩu thực phẩm.

Điều 53. Hải quan thực hiện việc kiểm tra thực phẩm xuất khẩu tại cảng, thực phẩm kiểm tra không đạt sẽ không cho phép xuất khẩu.

Điều 54. Trường hợp thực phẩm xuất khẩu bị các tổ chức quốc tế hoặc cơ quan chính phủ nước ngoài thông báo có vấn đề an toàn thực phẩm thì Tổng cục Hải quan tổ chức kiểm tra, giám sát điều chỉnh tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên khi cần thiết và yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm nộp hồ sơ kiểm tra đủ điều kiện như báo cáo kiểm tra của các cơ quan cho Hải quan theo từng đợt và rút các đề nghị đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền chính thức ở nước ngoài.

Điều 55. Trong trường hợp thực phẩm xuất khẩu tồn tại các vấn đề về an toàn đã gây thiệt hại hoặc có khả năng có thể gây tổn hại tới sức khỏe con người, an toàn tính mạng thì nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất khẩu phải lập tức thực hiện ngay các biện pháp tương ứng để tránh, giảm thiệt hại và báo cáo Hải

quandịa phương.

Điều 56. Trường hợp cơ quan Hải quan trong quá trình giám sát, quản lý thực phẩm xuất khẩu phát hiện có vấn đề về an toàn thì phải thông báo cho chính quyền cùng cấp và cơ quan quản lý an toàn thực phẩm của chính phủ cấp trên.

CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT

Điều 57. Tổng cục Hải quan theo quy định tại Điều 100 Luật An toàn thực phẩm, thu thập, tổng hợp thông tin an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và thiết lập chế độ quản lý thông tin an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

Hải quan các cấp có trách nhiệm thu thập, phân loại thông tin về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu trong phạm vi quản lý của mình theo chỉ định của cơ quan Hải quan cấp trên và thông báo cho chính quyền địa phương, các sở, ngành liên quan và các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật. Nếu thông tin liên quan đến các khu vực khác, phải đồng thời thông báo cho cơ quan Hải quan khu vực liên quan.

Thông tin về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu do cơ quan Hải quan thu thập, tổng hợp ngoài nội dung quy định tại Điều 100 Luật an toàn thực phẩm còn bao gồm cả thông tin về các biện pháp kỹ thuật thương mại đối với thực phẩm ở nước ngoài.

Điều 58. Hải quan sẽ tiến hành nghiên cứu và đánh giá rủi ro đối với thông tin an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu đã thu thập được và xác định các biện pháp kiểm soát tương ứng dựa trên kết quả nghiên cứu và phán đoán rủi ro.

Điều 59. Trường hợp sự cố an toàn thực phẩm, dịch bệnh trong và ngoài nước có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu hoặc trong thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu phát sinh vấn đề nghiêm trọng về an toàn thực phẩm thì Hải quan trực thuộc có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Hải quan kịp thời; Tổng cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực hiện cảnh báo rủi ro, thông báo cảnh báo rủi ro trong hệ thống Hải quan, báo cáo các cơ quan giám sát, quản lý an toàn thực phẩm, quản lý y tế, quản lý nông nghiệp của Quốc vụ viện, và đưa ra các thông báo cảnh báo rủi ro cho người tiêu dùng khi cần thiết.

Khi ban hành thông báo cảnh báo rủi ro, Tổng cục Hải quan thực hiện các biện pháp kiểm soát đối với thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với yêu cầu của thông báo cảnh báo rủi ro quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 54 của Biện pháp này.

Điều 60. Hải quan xây dựng kế hoạch giám sát rủi ro an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu hàng năm của quốc gia và thu thập một cách có hệ thống, liên tục số liệu giám sát và thông tin liên quan về bệnh truyền qua thực phẩm, ô nhiễm thực phẩm và các yếu tố có hại trong thực phẩm xuất nhập khẩu.

Điều 61. Trường hợp sự cố an toàn thực phẩm xảy ra ở nước ngoài có thể ảnh hưởng đến Trung Quốc hoặc nếu sau khi đánh giá phát hiện rủi ro không kiểm soát được, Tổng cục Hải quan có thể thực hiện theo thông lệ quốc tế, trực tiếp đưa ra thông báo cảnh báo rủi ro trong hệ thống Hải quan hoặc đưa ra cảnh báo rủi ro thông báo cho người tiêu dùng và đồng thời áp dụng các biện pháp kiểm soát quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Biện pháp này.

Điều 62. Hải quan xây dựng và tổ chức thực hiện phương án xử lý, ứng phó khẩn cấp sự cố an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu.

Điều 63. Cơ quan Hải quan có quyền thực hiện các biện pháp sau đây khi thực hiện nhiệm vụ giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật:

- (1) Vào cơ sở sản xuất, kinh doanh để kiểm tra tại chỗ;
- (2) Tiến hành kiểm tra, lấy mẫu đối với thực phẩm được sản xuất, kinh doanh;
- (3) Tra duyệt và sao chép các hợp đồng, hóa đơn, sổ sách tài khoản và các tài liệu liên quan khác;
- (4) Niêm phong hoặc tạm giữ thực phẩm có bằng chứng không đạt tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm hoặc có bằng chứng về việc tiềm ẩn các nguy cơ mất an toàn cũng như sản xuất, kinh doanh bất hợp pháp.

Điều 64. Hải quan thực hiện quản lý tín nhiệm đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Hải quan sẽ tiến hành kiểm tra và xác minh các nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu cũng như hồ sơ các trang trại trồng trọt và chăn nuôi nguyên liệu.

Điều 66. Thực phẩm quá cảnh phải đáp ứng yêu cầu giám sát của Tổng cục Hải quan đối với hàng hóa quá cảnh. Trong thời gian quá cảnh, thực phẩm quá cảnh không được mở đóng gói, dỡ hàng hóa ra khỏi phương tiện vận tải khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan Hải quan và phải được vận chuyển tái xuất theo thời hạn quy định.

Điều 67. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu có ý kiến khác đối với kết quả kiểm tra của cơ quan Hải quan thì có quyền yêu cầu kiểm tra lại theo quy định có liên quan về kiểm tra lại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, Hải quan sẽ không chấp nhận kiểm tra lại:

- (1) Kết quả xét nghiệm cho thấy chỉ tiêu vi sinh vượt tiêu chuẩn;
- (2) Các mẫu dự phòng vượt quá thời hạn sử dụng;

(3) Do các nguyên nhân khác dẫn đến mẫu dự phòng không đạt được mục đích kiểm tra lại.

CHƯƠNG V. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

Điều 68 Nếu nội dung hồ sơ của doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phát sinh thay đổi, nhưng không tiến hành thủ tục thay đổi đối với cơ quan Hải quan theo quy định, trường hợp nghiêm trọng thì cơ quan Hải quan sẽ phạt cảnh cáo.

Doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm cung cấp thông tin hồ sơ sai sự thật, Hải quan sẽ phạt từ 10.000 nhân dân tệ trở xuống.

Điều 69. Nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu trong nước không phối hợp với cơ quan Hải quan trong kiểm tra an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, từ chối tiếp nhận hỏi đáp, cung cấp tài liệu, nội dung trả lời và tài liệu không phù hợp với thực tế, phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền 10.000 nhân dân tệ trở xuống.

Điều 70. Trong quá trình giám sát thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu, cơ quan Hải quan phát hiện thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu không dán nhãn tiếng Trung Quốc hoặc nhãn tiếng Trung Quốc không tuân thủ pháp luật, quy định và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm không chấp hành tiêu hủy, trả lại hoặc xử lý kỹ thuật theo yêu cầu của Hải quan, thì phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 nhân dân tệ trở xuống.

Điều 71. Thực phẩm nhập khẩu di dời khỏi nơi, địa điểm do Hải quan chỉ định hoặc chấp thuận mà không được sự cho phép của Hải quan, thì Hải quan ra lệnh sửa đổi và phạt tiền từ 10.000 nhân dân tệ trở xuống.

Điều 72. Trường hợp hành vi vi phạm pháp luật sau đây thuộc trường hợp quy định tại Mục 3, Khoản 1, Điều 129 của Luật An toàn thực phẩm quy định “thực phẩm xuất khẩu không tuân thủ quy định của biện pháp này” thì Hải quan xử lý theo Điều 124 Luật An toàn thực phẩm, xử phạt:

(1) Tự ý tráo đổi trái phép thực phẩm xuất khẩu đã được Hải quan kiểm tra, giám sát lấy mẫu và cấp giấy chứng nhận;

(2) Thực phẩm xuất khẩu bị pha tạp chất, giả mạo, hàng nhái, kém chất lượng, không đủ tiêu chuẩn được giả danh là thực phẩm xuất khẩu đủ tiêu chuẩn;

(3) Xuất khẩu thực phẩm do doanh nghiệp sản xuất sản xuất thực phẩm xuất khẩu chưa có hồ sơ;

(4) Xuất khẩu sang các quốc gia (khu vực) có yêu cầu đăng ký nhưng doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu chưa được chấp thuận đăng ký hoặc xuất khẩu thực phẩm ngoài phạm vi doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu đã được chấp thuận đăng ký;

(5) Thực phẩm xuất khẩu do doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu

sản xuất không sử dụng nguyên liệu của cơ sở trồng trọt, chăn nuôi theo quy định;

(6) Người sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất khẩu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 123, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật An toàn thực phẩm, và thực phẩm xuất khẩu không đáp ứng các yêu cầu của nước (khu vực) nhập khẩu.

Điều 73. Bất kỳ vi phạm các quy định nào của Biện pháp này và cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Điều 74. Việc giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu tại khu vực giám sát Hải quan đặc biệt, kho giám sát ngoại quan, thị trường bán buôn, thương mại tiểu ngạch biên giới và thương mại cư dân biên giới được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan.

Điều 75. Việc giám sát, quản lý an toàn đối với thực phẩm xuất nhập khẩu qua đường bưu điện, chuyên phát nhanh, thương mại điện tử bán lẻ xuyên biên giới và vận chuyển bởi hành khách nhập cảnh được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan.

Điều 76. Việc quản lý giám sát thực phẩm phi mậu dịch như hàng mẫu, quà tặng, quà biếu, vật trưng bày, viện trợ, thực phẩm kinh doanh miễn thuế, thực phẩm cho các đại sứ quán và lãnh sự quán nước ngoài tại Trung Quốc và nhân viên ra vào đất nước cho mục đích công và cá nhân, cho các đại sứ quán và cơ quan lãnh sự của Trung Quốc ở nước ngoài, thực phẩm sử dụng cho mục đích công và cá nhân cho nhân viên của các doanh nghiệp Trung Quốc có trụ sở ở nước ngoài được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan.

Điều 77. Nhà sản xuất kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu được đề cập trong Biện pháp này bao gồm: doanh nghiệp sản xuất ở nước ngoài, thương nhân xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu và nhân viên có liên quan.

Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu được đề cập trong Biện pháp này bao gồm các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và bảo quản ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc.

Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu được đề cập trong Biện pháp này bao gồm các thương nhân xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc và các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm.

Điều 78. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm giải thích biện pháp này.

Điều 79. Biện pháp này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Các văn bản dưới đây cùng lúc bãi bỏ gồm: Lệnh số 144 ngày 13/9/2011; số 184 ngày

18/10/2016 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 sửa đổi về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu” của Tổng cục Hải quan; Lệnh số 20 ngày 22/02/2000 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 238 ngày 28/04/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý kiểm tra và kiểm dịch mật ong xuất khẩu”; Lệnh số 135 ngày 04/01/2011 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý và giám sát, kiểm tra kiểm dịch thủy sản xuất nhập khẩu”; Lệnh số 136 ngày 4/1/2011 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý giám sát, kiểm tra kiểm dịch đối với thịt xuất nhập khẩu”; Lệnh số 152 ngày 24/01/2013 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý và giám sát, kiểm tra kiểm dịch sữa xuất nhập khẩu”; Lệnh số 192 ngày 14/11/2017 của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch giám sát chất lượng quốc gia trước đây; và số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Quy định về quản lý hồ sơ đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu”. /.